

Bản án số: 231/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-9-2024.

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Tấn Sinh.

2. Ông Nguyễn Lương Thành

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:** Bà Ông Nguyễn Đình Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Diệu T, sinh năm: 1990; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Bị đơn:** Anh Trần Quang A, sinh năm: 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 190 Lý Thái Tổ, khối phố N, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị Đỗ Thị Diệu T trình bày: Chị và anh Trần Quang A kết hôn với nhau năm 2010, có tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã Điện Bàn; việc kết hôn là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là anh A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã; hiện nay chị và anh A đã không còn chung sống với nhau và không quan tâm nhau. Từ tháng 5/2024, chị

đã đưa các con đã về nhà mẹ ruột sinh sống và chị không còn tình cảm với anh A nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung gồm: Trần Quang H, sinh ngày: 06/5/2011, Trần Quang V, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Tuệ L, sinh ngày 25/7/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 03 con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – Anh Trần Quang A: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, anh A không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị Diệu T được ly hôn với anh Trần Quang A và giao 03 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Trần Quang A tại khối phố N, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; chị yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – Anh Trần Quang A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Điện Bàn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 23/7/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T nguyên nhân là do anh A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được và hiện nay chị đã đưa 03 con về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên chị yêu cầu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2024, UBND phường Đ cung cấp: Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh A. Anh A hiện đang sinh sống tại địa phương, chị T và các con hiện không chung sống cùng anh A tại địa phương”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị T không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh A không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thảo.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh A có 03 con chung tên Trần Quang H, sinh ngày: 06/5/2011, Trần Quang V, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Tuệ L, sinh ngày 25/7/2020. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A đều vắng mặt nên không có ý kiến gì về con chung. Hiện nay, các cháu đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu V và cháu H đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu L vẫn còn rất nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Diệu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đỗ Thị Diệu T về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Đỗ Thị Diệu T được ly hôn với anh Trần Quang A

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quang H, sinh ngày: 06/5/2011, Trần Quang V, sinh ngày 09/7/2013 và Trần Tuệ L, sinh ngày 25/7/2020 cho Chị Đỗ Thị Diệu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quang A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Quang A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về án phí: Chị Đỗ Thị Diệu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0014584 ngày 21/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- UBND phường Điện An, Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Võ Văn Thế**



